

Bản án số: 111/2024/DS-ST

Ngày: 09-8-2024.

V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Sơn Khem;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khiết Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoài T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Diễm M, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Số 34, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tăng C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2.2. Bà Kim Thị L, sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoài T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, do bà Trần Diễm M đại diện trình bày:*

Trước đây, ông Nguyễn Duy M là chủ hộ kinh doanh T tại khóm S, phường V, thị xã Vu, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông M đã chấm dứt hoạt động kinh doanh tại hộ kinh doanh T và chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của Hộ kinh doanh T cho ông Lê Hoài T theo văn bản thỏa thuận ngày 23/02/2023.

Từ ngày 03/7/2021 đến ngày 17/11/2022 ông Nguyễn Duy M (Chủ hộ kinh doanh T) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản bằng văn bản với ông Tăng C, bà Kim Thị L thông qua hợp đồng bằng văn bản ngày 02/7/2021.

Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận ông Mận (thông qua nhân viên hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm) có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của ông C, bà L. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng và ông C, bà L đến lấy hoặc nhờ người đến lấy theo đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng.

Về phương thức thanh toán hai bên thống nhất thỏa thuận ông C, bà L chậm nhất và cuối cùng vụ thu tôm sẽ thanh toán dứt điểm tiền hàng. Trường hợp nuôi hơn một vụ/năm thì phải thanh toán dứt điểm tiền hàng của vụ tôm trước thì mới tiếp tục đặt hàng. Trường hợp nuôi thất tôm vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Nếu vi phạm ông Mận có quyền ngưng giao hàng và yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền hàng đang nợ. Tuy nhiên sau khi thu hoạch tôm thì ông C, bà L không thanh toán dứt điểm tiền hàng và ngày 20/12/2022 hai bên đối chiếu công nợ ông C, bà L còn nợ lại ông Mận số tiền 161.820.000 đồng, ngày 13/01/2023 ông C, bà L thanh

toán được 15.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 146.820.000 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần liên hệ ông C, bà L không thiện ý thanh toán.

Tại phiên tòa bà M đại diện cho ông Lê Hoài T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Tăng C và bà Kim Thị L liên đới thanh toán tiền nợ cho ông Lê Hoài T là 169.894.122 đồng. Trong đó: Số tiền nợ thức ăn và thuốc thủy sản là 146.820.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm/146.820.000 đồng, tính từ ngày 13/01/2023 đến ngày 09/8/2024 là 01 năm 06 tháng 26 ngày với số tiền 23.074.122 đồng. Không yêu cầu tính thêm tiền lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực.

** Đối với bị đơn ông Tăng C và bà Kim Thị L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án không phản đối, không phản tố, không yêu cầu gì khác trong vụ án và không tham gia tố tụng mặc dù đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa các bị đơn ông Tăng C và bà Kim Thị L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn; Bà M đồng ý xét xử vắng mặt các bị đơn nên sau khi hội ý tại chỗ, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn (có kèm theo các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ gốc giao nhận hàng hoá có chữ ký của người nhận là phía bị đơn; Bản gốc Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản ngày 02/7/2021 có chữ ký của các bên; Bản gốc Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 20/12/2022 có chữ ký của các bên) cùng lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa có đủ căn cứ để chứng minh rằng các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 146.820.000 đồng là đúng sự thật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không phản đối, không phản tố, không yêu cầu gì khác và không tham gia tố tụng mặc dù đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nên căn cứ vào quy định

tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các bên đương sự không cần phải chứng minh.

Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 13/01/2023 đến ngày 09/8/2024 là 01 năm 06 tháng 26 ngày với lãi suất 10%/năm/146.820.000 đồng với số tiền 23.074.122 đồng bị đơn không phản đối và yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Tăng C và bà Kim Thị L cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài T số tiền còn nợ là 169.894.122 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Lê Hoài T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoài T.

Buộc ông Tăng C và bà Kim Thị L cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài T số tiền là 169.894.122 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm*

chín mươi bốn nghìn một trăm hai mươi hai đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực nên không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Tăng C và bà Kim Thị L phải cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Tăng C và bà Kim Thị L phải cùng liên đới có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.494.706 đồng (*Tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm linh sáu đồng*).

- Ông Lê Hoài T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Hoài T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.110.960 đồng (*Bốn triệu một trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004781 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình